

√ ẢNH HƯỞNG CỦA ĐẠO TIN LÀNH Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ NƯỚC TA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI¹

NGUYỄN VĂN MINH

1. Khái quát lịch sử phát triển của đạo Tin Lành ở vùng dân tộc thiểu số

Ở nước ta, đạo Tin Lành được truyền vào từ năm 1911 tại Đà Nẵng, đến năm 1954 đã có khoảng 60.000 tín đồ. Tại miền Bắc, chỉ có một ít tín đồ trong các dân tộc thiểu số, gồm nhóm người Thái ở Sơn La, người Hmông ở Lào Cai, người Mường ở Hòa Bình và người Dao ở Lạng Sơn. Đến trước tháng 4 năm 1975, số tín đồ tăng lên khoảng 200.000 người và 20 tổ chức, chủ yếu vẫn là ở miền Nam. Trong đó, các dân tộc thiểu số vùng Trường Sơn - Tây Nguyên có khoảng 60.000 - 70.000 tín đồ, chiếm gần 30% tín đồ cả nước và 10% dân số trong vùng, gồm 16 dân tộc là: Cơ-ho, Xtiêng, Mạ, Gia-rai, Ê-đê, Hrê, Giê-Triêng, Chu-ru, Mnông, Raglai, Chơ-ro, Ba-na, Bru-Vân Kiều, Chăm, Tà-ôi, Brâu (Nguyễn Văn Minh, 2006, tr. 52). Ở miền Bắc, thời kỳ này chỉ còn 1 chi hội của người Dao ở huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn hoạt động cầm chừng với vài chục tín đồ. Sau năm 1975, Tin Lành trên cả nước suy giảm, nhiều nơi dừng hoạt động (Nguyễn Văn Minh và Hồ Ly Giang, 2011, tr. 4).

Từ năm 1986, Tin Lành phát triển nhanh chóng, đột biến, nhất là ở các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc và Tây Nguyên. Đến năm 2005, cả nước có trên 670.000 tín đồ, hơn 80 tổ chức (2 tổ chức được Nhà nước công nhận). Riêng các dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên có 335.903 người, sinh hoạt tại 1.756 buôn làng. Những dân tộc có đông tín đồ nhất là Cơ-ho - khoảng 60.000 người (chiếm hơn 50% dân số tộc người), Ê-đê có trên 100.000 tín đồ (chiếm 36,5% dân số tộc người), Gia-rai có 65.000 tín đồ (chiếm 17,5% dân số tộc người)... (Nguyễn Văn Minh, 2006, tr. 52). Ở miền núi phía Bắc, từ 1 chi hội của người Dao năm 1975 đã lan ra 13 tỉnh/thành với khoảng 103.141 tín đồ. Trong đó, đại đa số là người Hmông; người Dao chỉ có 1.920 người và 250 người thuộc các dân tộc Sán Chay, Cơ Lao, Pà Thèn, Hà Nhì, La Ha, Mảng, Thái... (Nguyễn Văn Minh và Hồ Ly Giang, 2011, tr. 4).

Đến giữa năm 2012, cả nước có 857.319 tín đồ, sinh hoạt trong khoảng 90 tổ chức (10 tổ chức được Nhà nước công nhận), tại 4.559 điểm nhóm của 40 tỉnh thành. Trong số 857.319 tín đồ này, có 630.000 là người của 40 dân tộc thiểu số (chiếm 73,48%), nhưng chủ yếu tập trung vào một số dân tộc, như: ở miền núi phía Bắc có gần 200.000 tín đồ, thì dân tộc Hmông chiếm 174.429 người (kể cả 9.856

¹ Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 1V1.3-2012.16.

hộ và 55.785 khẩu đã di cư vào Tây Nguyên, hầu hết theo Tin Lành); tiếp đến là người Dao có 13.862 tín đồ... Trong số trên 400.000 tín đồ còn lại là các dân tộc thiểu số phía Nam, nhưng chủ yếu là những dân tộc tại chỗ Tây Nguyên, như Ê-đê: 113.048 tín đồ, Gia-rai: 76.355 tín đồ, Cơ-ho: 61.122 tín đồ... Nhiều dân tộc khác có số tín đồ chiếm tỷ lệ rất thấp, thậm chí có dân tộc chỉ một vài hộ và vài chục người tin theo (Ban Tôn giáo Chính phủ, 2012).

Cùng với phát triển tín đồ, số lượng tổ chức và thành phần dân tộc, địa bàn hoạt động của Tin Lành cũng ngày càng tăng lên. Đáng chú ý, trong số người theo đạo, còn có một số ít là cán bộ, đảng viên ở thôn bản và cơ sở; cựu chiến binh, giáo viên, sinh viên, học sinh và những người có uy tín trong cộng đồng như già làng, trưởng họ, thầy cúng. Đa số chuyển từ tín ngưỡng truyền thống sang Tin Lành, nhưng cũng không ít là từ các tôn giáo khác, nhiều nhất là Công giáo và một số ít là Phật giáo, Hồi giáo, Cao Đài. Các tổ chức dân hoạt động đan xen nhau, như nhiều hệ phái trước đây chỉ có ở miền Nam, nay đã phát triển ra ngoài Bắc, đông nhất là Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam có 14.900 tín đồ, Hội thánh Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam có 1.250 tín đồ, Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn có 810 tín đồ, Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam có 280 tín đồ... Trong khi đó, một bộ phận không nhỏ tín đồ Hmông và các dân tộc thiểu số phía Bắc thuộc Hội thánh Tin Lành Việt Nam (miền Bắc) lại di cư vào Tây Nguyên. Tình hình này khiến bức tranh phân bố, thành phần xã hội, dân tộc, mối quan hệ giữa các tổ chức và tín đồ ở trong và ngoài nước ngày càng đa dạng, phức tạp.

Bên cạnh đó, các hệ phái Tin Lành chưa được công nhận vẫn âm thầm hoạt động. Đặc biệt, một số hiện tượng tôn giáo mới có tư tưởng cực đoan, nguồn gốc và bản chất Tin Lành xuất hiện ngày càng nhiều, hoạt động tôn giáo tín ngưỡng thường gắn với các mục tiêu chính trị hoặc lợi dụng tôn giáo, tín ngưỡng để trục lợi, như: “Tin Lành Vàng chữ” ở người Hmông; “Tin Lành Thìn hùng” ở người Dao; “Tin Lành Đê ga”, “Ami Sara”, “Giáo hội Tin Lành Đấng Christ Việt Nam”, “Giáo hội Liên hữu Lutheran Việt Nam và Hoa Kỳ”, “Ban cầu nguyện phong trào phục hưng Tin Lành”... ở vùng dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên.

2. Ảnh hưởng của đạo Tin Lành ở vùng dân tộc thiểu số

Sự phát triển của Tin Lành trong thời gian qua đã đem lại nhiều ảnh hưởng tích cực cho người dân và xã hội. Tuy nhiên, những hoạt động lợi dụng Tin Lành của các thế lực thù địch cũng đã làm xuất hiện một số tổ chức, đối tượng cực đoan núp bóng Tin Lành ở vùng dân tộc thiểu số trong thời gian qua như đã đề cập ở trên, và có sự tác động tiêu cực không nhỏ đến nhiều lĩnh vực.

2.1. Ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất và phát triển kinh tế

Do dựa vào đức tin mới nên những người theo Tin Lành không còn thực hành các nghi lễ sản xuất truyền thống; họ cũng bỏ những kiêng cử, dùng phân bón và thuốc hóa học trong trồng trọt, thức ăn tăng trọng trong chăn nuôi vì sợ thần linh trừng phạt... Do đó, có thể tiết kiệm chi phí và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển sản xuất. Tuy nhiên, việc truyền đạo của một số tổ chức và đối tượng cực đoan lợi dụng Tin Lành trong thời gian qua thường gắn với

những tin đồn thất thiệt, hoang đường dẫn đến một số hậu quả về kinh tế, như: sản xuất ở cộng đồng người Hmông nhiều nơi bị đình trệ do một bộ phận người dân tổ chức ăn uống, bỏ bê sản xuất để lo “*tập bay*” và tụ tập chờ “*đón vua*”, vì tin theo lời truyền truyền của “*Tin Lành Vàng chữ*” là ngày tận thế sắp diễn ra, khi đó “*vua Hmông*” sẽ xuất hiện đón những người theo “*Vàng chữ*” bay đến vùng đất mới tươi đẹp. Ở đó không cần làm cũng có ăn, vì Vàng chữ sẽ biến các bãi đất bằng thành đồng ruộng, đá to thành gia súc, đá nhỏ thành gia cầm, cát sỏi thành lúa gạo và con người không bị ốm đau. Nhiều gia đình đã bán rế tài sản, đất đai để di cư tự do theo lời kêu gọi của những người truyền đạo: phải đi về phía Tây (Tây Bắc) để gặp “*vua*” và lập “*Vương quốc Hmông*” hay đi vào Tây Nguyên để được “*tự do theo Tin Lành và sống sung sướng*”. Từ đó, đời sống của nhiều gia đình di cư tự do gặp rất nhiều khó khăn, nhất là bộ phận đến vùng Tây Bắc, vì ở đây cũng đang khan hiếm đất sản xuất và không có điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

2.2. Ảnh hưởng đến giá trị và bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc

Do theo Tin Lành nên các tín đồ không còn tin vào tín ngưỡng truyền thống của dân tộc. Họ cắt đứt niềm tin này bằng cách thực hiện nghi lễ đuổi tổ tiên và thần linh ra khỏi nhà, đốt hết những gì liên quan để chỉ tôn thờ Chúa Giê Su. Vì vậy, những người không theo Tin Lành thường gọi đây là “*đạo bỏ ông bỏ bà*”. Thời gian đầu mới cải đạo, tín đồ còn từ bỏ nhiều sinh hoạt văn hóa chung của dân tộc, như trong những ngày lễ cộng đồng hay gia đình không còn tổ chức các bữa ăn mang tính cộng cảm gắn với những sinh hoạt văn hóa tập thể là uống rượu

cần, biểu diễn cồng chiêng, sử thi... Điều đó làm cho một phần bản sắc văn hóa và các hình thức trao truyền, tiếp nối, sáng tạo văn hóa dân tộc bị suy giảm, đứt gãy, gây khó khăn trong công tác bảo tồn và phát triển các giá trị văn hóa tộc người. Tuy nhiên, do nhận thấy nếu tiếp tục như vậy, sẽ không phát triển được đạo, nên gần đây các chức sắc Tin Lành thường tổ chức và khuyến khích tín đồ trở lại mặc trang phục truyền thống khi đi sinh hoạt tôn giáo; học tập và biểu diễn văn hóa nghệ thuật dân tộc; khôi phục và tham gia một số lễ hội chung của cộng đồng không đối lập với Tin Lành... Bên cạnh đó, theo đạo, tín đồ cũng hạn chế được sự phụ thuộc vào các tập tục xưa, như: ma lải, bùa ngải, thuốc độc, thờ cúng đa thần và tín ngưỡng hồn linh rất phức tạp...

2.3. Ảnh hưởng đến sử dụng ngôn ngữ và chữ viết của các dân tộc

Trong 53 dân tộc thiểu số nước ta, chỉ có rất ít dân tộc có chữ viết cổ hoặc Hán hóa. Nhưng những dân tộc có chữ viết này đều ít khi sử dụng; nếu có, chữ viết ấy chủ yếu phục vụ sinh hoạt tín ngưỡng và lễ cúng truyền thống hay chữa bệnh bằng các bài thuốc dân gian. Để phục vụ các tổ chức Tin Lành truyền đạo, một số tổ chức nước ngoài đã nghiên cứu, xây dựng các bộ chữ phiên âm từ tiếng La tinh cho các dân tộc Hmông, Ê-đê, Gia-rai, Mông, Ba-na, Mạ, Cơ-ho... và được các dân tộc này sử dụng. Các tổ chức Tin Lành cũng khuyến khích và thường xuyên tổ chức những lớp học chữ tại cộng đồng để tín đồ có thể nghe các đài phát thanh và đọc tài liệu bằng tiếng dân tộc từ nước ngoài truyền vào. Một số tín đồ cốt cán được đưa về các thành phố lớn ở trong nước hoặc ra nước ngoài học chữ và học đạo. Tuy nhiên, vấn đề đáng chú ý ở đây là nhiều

chương trình phát thanh, tài liệu bằng chữ dân tộc thiểu số truyền vào nước ta đã bị các thế lực thù địch lợi dụng như một phương tiện chứa những nội dung xuyên tạc, phản động chống phá đất nước... Tình hình này một mặt tạo điều kiện cho một bộ phận người dân một số dân tộc thiểu số biết và sử dụng chữ viết của dân tộc, nhưng mặt khác, cũng gây ra những nguy cơ bất ổn trong công tác quản lý tôn giáo, quản lý dân cư, bảo đảm an ninh chính trị xã hội ở vùng dân tộc thiểu số, vùng có đạo.

2.4. Ảnh hưởng đến quan hệ cộng đồng

Tin Lành phát triển đã hình thành và ngày càng mở rộng các mối quan hệ mới không chỉ trong nội bộ những người cùng làng, dòng tộc và dòng họ như trước, mà còn giữa những người di cư và người tại chỗ, giữa các dân tộc ở những vùng miền và quốc gia khác nhau, bởi họ có chung đức tin tôn giáo và có nhu cầu liên kết, giúp đỡ, chia sẻ với nhau trong cuộc sống và sinh hoạt tôn giáo. Do vậy, một bộ phận tín đồ Hmông thường so sánh cho rằng “đạo” quan trọng hơn “dòng họ”, cho dù dòng họ là tổ chức cổ truyền có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất của người Hmông. Còn ở Tây Nguyên, các mục sư luân phiên nhau đến cộng đồng để thăm viếng và cầu nguyện cùng dân làng; họ yêu cầu các quản nhiệm và chấp sự chủ động, chân tình, có trách nhiệm quan tâm, giúp đỡ dân làng, nhất là với các tín đồ (Hà Thị Mai, 2012).

Khác biệt về tín ngưỡng đã góp phần tạo nên sự phân hóa, mâu thuẫn giữa người theo và không theo Tin Lành, bởi những người theo đạo tự nhận mình có “con đường mới” và gọi những người không theo đạo là bảo thủ, lạc hậu; còn những người vẫn giữ tín ngưỡng truyền thống lại coi bộ phận theo

đạo là “phân bội đường lý, đường lẽ dân tộc”. Do vậy, trong quan hệ cộng đồng, hai bộ phận dân cư này sống tương đối khép kín trong nội bộ với nhau, tính cố kết cộng đồng truyền thống theo dân tộc, dòng họ và địa bàn cư trú bị phá vỡ. Ở một số nơi Tin Lành phát triển, đã xảy ra tình trạng những người theo tín ngưỡng truyền thống dời đi lập làng mới hoặc di cư đến các làng vẫn giữ tín ngưỡng truyền thống để sinh sống; còn một số nơi có ít tín đồ lại xảy ra hiện tượng ngược lại. Hiện tượng này thường diễn ra trong thời kỳ Tin Lành mới xâm nhập vào các cộng đồng.

2.5. Ảnh hưởng đến quan hệ hôn nhân và gia đình

Khi theo đạo, đa số tín đồ thực hiện nếp sống đạo, như: bỏ rượu chè, cờ bạc, hút thuốc lá, thuốc phiện, trộm cắp; chỉ tiêu tiết kiệm và chăm chỉ làm ăn; vai trò của người phụ nữ được đề cao; ngày chủ nhật được nghỉ ngơi, ăn mặc đẹp để đi sinh hoạt tôn giáo và gặp gỡ nhau; thanh thiếu niên vâng lời cha mẹ, ít vướng vào các tệ nạn xã hội... Giáo lý và giáo luật của Tin Lành cũng góp phần thực hiện chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ta về hôn nhân và gia đình, như: phê phán tệ bạo hành trong gia đình, khuyến tín đồ nên đối xử với nhau bình đẳng để tránh mâu thuẫn trong gia đình, đẻ ít con để nuôi dạy con tốt, con gái cũng được coi trọng như con trai; trong hôn nhân ngăn cấm loạn luân, ép gả, “nối dây” trong gia đình, dòng họ và quy định của luật tục, hạn chế nạn tảo hôn, khi kết hôn phải đăng ký với chính quyền, thông báo chính thức với cộng đồng và dựa trên tình yêu... Các tập tục và nghi lễ cũng đơn giản hơn, như: không đòi nhiều lễ vật thách cưới, không thực hiện

hiều nghi lễ mà chỉ đọc Kinh thánh, không tổ chức ăn uống linh đình tốn kém... Con cái những gia đình Tin Lành đi học nhiều hơn, đều hơn, việc vận động con em họ đến trường cũng dễ dàng hơn (Lê Văn Hảo, 2007). Các chức sắc Tin Lành khuyến tín đồ khi ốm đau nên cầu nguyện Chúa phù hộ và đến các cơ sở y tế để khám chữa bệnh; ăn ở vệ sinh, sử dụng nước sạch để phòng bệnh tật. Tuy nhiên, ở một số nơi, do các thành viên trong gia đình, dòng họ theo các tôn giáo, tín ngưỡng khác nhau nên mâu thuẫn, bất đồng nảy sinh, thậm chí phải ly tán. Các tổ chức và gia đình theo Tin Lành cũng thường không muốn tín đồ, con cháu kết hôn với người không cùng tôn giáo để giữ đạo; sợ “máu của Chúa” trong cơ thể tín đồ bị nhiễm bẩn khi kết hôn với người khác đạo; lo con cháu sẽ gặp khó khăn trong cuộc sống vì khác tín ngưỡng...

2.6. Ảnh hưởng đến di chuyển cư và công tác quản lý xã hội

Di chuyển cư không phải là hiện tượng mới của nhiều dân tộc thiểu số nước ta, nhưng những tổ chức Tin Lành cực đoan và thế lực thù địch đã lợi dụng tập quán này để kích động người dân di cư tự do hay vượt biên trái phép để tập hợp lực lượng, chính trị hóa và quốc tế hóa các vấn đề dân tộc, tôn giáo ở vùng dân tộc thiểu số, vùng có đạo.

Đối với người Hmông, tổ chức “Tin Lành Vàng chữ” luôn tuyên truyền: “*Muốn có vua Hmông và tổ quốc riêng thì phải đi về hướng Tây*” hoặc “*đi vào Tây Nguyên để được tự do theo đạo và sống sung sướng*”... Đây là một trong những nguyên nhân gây ra làn sóng di cư tự do của người Hmông đến Tây Bắc và vào Tây Nguyên từ những năm 1980 đến cuối thế kỷ XX mới chấm lại. Tại

Tây Bắc, từ năm 1997 đến nay, đã có khoảng 30.000 người Hmông, phần lớn là tín đồ Tin Lành di cư tự do đến các huyện Mường Lay, Mường Chà và Mường Nhé, tỉnh Điện Biên. Vì thế, riêng huyện Mường Nhé người Hmông chiếm 67,4% dân số và 96,2% số tín đồ Tin Lành của huyện (Nguyễn Văn Minh và Hồ Ly Giang, 2011). Đây là vùng biên giới ba nước Việt Nam - Lào - Trung Quốc có đông người Hmông sinh sống và cũng là nơi có điểm Pu Tà Cọ - căn cứ chính của lực lượng phi Hmông theo Vàng Pao ở tỉnh Phong Xa Lỳ (Lào). Cũng trong thời gian này, có 9.856 hộ và 55.785 người Hmông di cư tự do vào Tây Nguyên (Ban Chỉ đạo Tây Nguyên, 2013, tr. 7), trong số này có khoảng 90% là tín đồ Tin Lành. Bên cạnh đó, còn có trên 2.000 tín đồ dân tộc thiểu số phía Bắc di cư tự do vào Tây Nguyên (Nguyễn Văn Minh, 2010, tr. 39). Các tín đồ này vẫn giữ quan hệ với quê cũ, đồng thời nhiều người lại di cư ngược về phía Bắc do các nguyên nhân khác nhau rất phức tạp. Các xu hướng di cư này hiện vẫn tiếp tục diễn ra nhưng không mạnh mẽ như trước.

Vượt biên ra nước ngoài cũng diễn ra khá phức tạp. Ở biên giới phía Bắc, chủ yếu là tín đồ Hmông sang Lào và một số ít tới Trung Quốc để sinh sống, học chữ, học đạo và làm phi. Trong đó, một số được hứa sẽ đưa sang nước thứ ba định cư, nhưng cuối cùng bị trả về, bởi thực chất đây chỉ là chiêu bài nhằm tạo cơ duyên tặc, chống phá nước ta của các thế lực thù địch. Ở Tây Nguyên, các dân tộc thiểu số tại chỗ không di cư trong nước, nhưng lại nảy sinh việc tín đồ vượt biên sang Campuchia và định cư ở quốc gia thứ ba, nhất là sau những sự kiện xảy ra năm 2001, 2004 và 2008. Xu hướng vượt biên hiện vẫn diễn ra bằng các đường

đây nhỏ lẻ nhưng tổ chức chặt chẽ và đưa đón tại biên giới.

Di cư tự do của một bộ phận người dân tộc thiểu số trong nội vùng, liên vùng, vượt biên sang các quốc gia láng giềng và định cư ở nước thứ ba diễn ra phức tạp, là một trong những yếu tố gây thêm mâu thuẫn cục bộ giữa người di cư với người sinh sống tại chỗ, làm ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc và ổn định chính trị, tác động tiêu cực đến phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường, công tác quản lý xã hội, bảo đảm đời sống và sinh hoạt tôn giáo cho người dân trong vùng di cư đến. Một số người vượt biên hoặc bị trả về và các mối quan hệ của họ ở trong và ngoài nước cũng tiềm ẩn nhiều yếu tố nhạy cảm về tư tưởng, tâm lý của chính họ và người dân trong vùng, ảnh hưởng đến các vấn đề an ninh chính trị, dân tộc, tôn giáo và quản lý xã hội. Đặc biệt, việc di cư của người Hmông theo Tin Lành tập trung về biên giới Tây Bắc hiện nay còn thể hiện rõ âm mưu của bộ phận người Hmông cực đoan và thế lực thù địch muốn thông qua Tin Lành và di cư để tập hợp lực lượng, xây dựng địa bàn, hình thành tổ chức phục vụ cho các mưu đồ chính trị liên quan đến “Vương quốc Hmông”.

2.7. Ảnh hưởng đến sự ổn định về an ninh chính trị

- Ảnh hưởng đến quan hệ giữa các tổ chức và tín đồ Tin Lành với hệ thống chính trị

Các tổ chức Tin Lành ngoài thành lập Ban lãnh đạo các cấp, còn hình thành những tổ chức đoàn thể, như: Phụ lão, Phụ nữ, Thanh niên, Thiếu niên... để tuyên truyền, sinh hoạt tôn giáo và liên kết, hỗ trợ nhau phù hợp với từng đối tượng. Do đó, đã hình thành một hệ thống tổ chức đoàn thể tôn

giáo tồn tại cùng với các tổ chức chính trị - xã hội của Nhà nước ta tại các thôn làng. Ở nhiều nơi, những tổ chức tôn giáo này hoạt động khá hiệu quả, đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh trật tự của địa phương.

Trong quá trình truyền đạo và hành đạo, một số tổ chức, đối tượng cực đoan và thế lực thù địch núp bóng, lợi dụng Tin Lành đã ra sức làm suy yếu vai trò, vị trí hệ thống chính trị cơ sở và thôn làng bằng cách lôi kéo các cán bộ, đảng viên, già làng, trưởng họ theo đạo, đồng thời tạo dựng ảnh hưởng của tôn giáo và một số đối tượng cốt cán tại các địa phương. Tại một số ít nơi, các đối tượng cực đoan còn có những hành động mang tính chính trị, gây mâu thuẫn xã hội, như: tuyên truyền các thành quả phát triển kinh tế - xã hội cũng như những quyền lợi người dân đang được hưởng từ sự nỗ lực chung của cả nước dưới sự lãnh đạo của Đảng ta trong nhiều năm qua là do Chúa đem lại; dùng ảnh hưởng để định hướng tín đồ bỏ phiếu bầu những người theo đạo tham gia hệ thống chính trị cơ sở và thôn làng trong các dịp bầu cử. Tổ chức tập bản cung, nỏ vào bia tượng trưng là cán bộ, đảng viên chủ chốt của địa phương và ngấm ngấm đe dọa tính mạng, phá hoại tài sản gia đình họ nhằm gây tâm lý hoang mang cho quần chúng, cán bộ và đảng viên ở cơ sở, thôn bản. Một số ít nơi còn thành lập các tổ chức phân động như “Vàng chú xã”, “Vàng chú bản” gắn với “Tin Lành Vàng chú” ở người Hmông và “Nhà nước Đề ga” gắn với “Tin Lành Đề ga” ở Tây Nguyên hoạt động bất hợp pháp chống phá chính quyền.

Ở một số ít địa phương, người đứng đầu các điểm nhóm Tin Lành cực đoan còn tuyên truyền những nội dung xuyên tạc, vu

cáo cán bộ và chính quyền vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; tìm cách khoét sâu, phóng đại một số hạn chế của địa phương trong thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo hay các biện pháp xử lý những đối tượng vi phạm pháp luật là tín đồ người dân tộc thiểu số để vu cáo chính quyền dân áp tôn giáo, vi phạm dân chủ, nhân quyền, “kỳ thị” tín đồ người dân tộc thiểu số... Qua đó, gây tâm lý mặc cảm, hoài nghi, xa lánh cán bộ và đối lập họ trong nhân dân, giảm lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước, mà trước hết là hệ thống chính trị cấp cơ sở. Mục tiêu là làm giảm niềm tin của người dân đối với chế độ ta, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi. Từ đó, gây mâu thuẫn cục bộ giữa các dân tộc, tôn giáo, kích động tư tưởng bất mãn của một bộ phận người dân tộc thiểu số với người Kinh, với hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ; tạo cơ cho các thế lực thù địch lợi dụng vu cáo, chống phá Nhà nước ta, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự xã hội, cản trở việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Kích động tư tưởng tự trị, ly khai, hình thành các điểm nóng về dân tộc - tôn giáo

Hoạt động của các tổ chức chính trị cục đoan lợi dụng, núp bóng Tin Lành đã góp phần hình thành và làm gia tăng các “điểm nóng” về an ninh chính trị, trật tự xã hội ở vùng dân tộc thiểu số, vùng biên giới, vùng có đạo. Đặc biệt, việc xuất hiện “Tin Lành Vàng chữ” gắn với “Vương quốc Hmông” ở Tây Bắc và “Tin Lành Đê ga” gắn với “Nhà nước Đê ga” ở Tây Nguyên được coi là cách thức lợi dụng Tin Lành để tập hợp lực lượng chính trị tại chỗ, kích động người dân vượt biên hay đấu tranh đòi ly khai, tự trị, gây bất ổn an ninh chính trị xã

hội, làm suy yếu chính quyền và chia cắt đất nước. Với người Hmông, họ tuyên truyền, khơi gợi về nguồn gốc dân tộc và truyền thuyết lịch sử đã từng có “Vương quốc Tam Miêu” ở Trung Quốc để kích động tư tưởng ly khai, tự trị; đồng hóa “vua Hmông” với Chúa trời và Giê Su, coi “vua Hmông” chính là con của Chúa trời được phái xuống giúp đỡ người Hmông, nhằm lôi kéo, tập hợp những người theo Tin Lành thành một cộng đồng “Tin Lành Vàng chữ” riêng, tiến hành nhiều hoạt động phát triển đạo và thành lập “Vương quốc Hmông” tự trị, mà điển hình là tổ chức vụ bạo loạn ở Mường Nhé năm 2011. Còn ở Tây Nguyên, lợi dụng các hiện tượng “vua nước, vua lửa”, chế độ “Hoàng triều cương thổ” do thực dân Pháp thực thi chính sách chia để trị trước đây, sau này Mỹ - ngụy tiếp tục lợi dụng, để kích động hình thành cộng đồng “Tin Lành Đê ga” riêng của các dân tộc thiểu số tại chỗ nhằm phục vụ mưu đồ thành lập “Nhà nước Đê ga”, và đã tổ chức, kích động một bộ phận người dân tham gia biểu tình, bạo loạn những năm 2001, 2004 và 2008.

- Tổ chức các hoạt động tôn giáo trái pháp luật

Các đối tượng Tin Lành cục đoan và tổ chức chính trị lợi dụng, núp bóng Tin Lành cũng thường xuyên tổ chức những hoạt động nhằm tăng cường ảnh hưởng, mở rộng địa bàn, phát triển tín đồ sang các dân tộc và đối tượng khác, nhất là phụ nữ và thanh thiếu niên; sang nhượng đất đai, sửa chữa và xây dựng các cơ sở thờ tự trái phép; xin cấp đất mới, đòi lại tài sản và các cơ sở thờ tự cũ; lôi kéo tụ tập tín đồ đấu tranh đòi tự do tín ngưỡng và chống đối chính quyền... Một số đối tượng cốt cán theo “Tin Lành Đê ga”, “Tin Lành Vàng chữ”... có hành động vi

phạm luật pháp và quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng, như: lôi kéo, ép buộc người trong gia đình, dòng họ và cộng đồng theo đạo; trong các dịp truyền đạo, họ thường mở băng cát xet hay gọi điện thoại để người tham gia nghe những phần tử phản động ở nước ngoài kêu gọi thành lập các tổ chức Tin Lành riêng và tham gia biểu tình, bạo loạn. Kích động người dân không tham gia các chính sách của Đảng và Nhà nước ta, như: không đóng thuế, không thực hiện kế hoạch hóa gia đình, không cho trẻ em uống vắc xin phòng bệnh, không vay tiền ngân hàng, không nhận nhà tình nghĩa và kinh phí hỗ trợ xây dựng nhà ở, không thực hiện nghĩa vụ quân sự, không cho xây dựng các công trình công cộng phục vụ dân sinh ở địa phương...

3. Một số vấn đề đang đặt ra hiện nay

Mặc dù hơn 40 dân tộc nước ta có người theo Tin Lành, nhưng tổng số tín đồ chỉ chiếm khoảng 1% dân số cả nước. Trong đó, số tín đồ người dân tộc thiểu số tăng nhanh, chiếm gần 74%. Tính riêng trong tổng số dân của 53 dân tộc thiểu số thì tín đồ Tin Lành khoảng 5%, nhưng cũng chỉ tập trung vào một số dân tộc, như: người Hmông và người Dao ở phía Bắc; một số dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên là Ê-đê, Gia-rai, Mông, Mạ, Cơ-ho...; còn đa số các dân tộc khác có rất ít tín đồ. Đến nay, số lượng tín đồ, tổ chức, chức sắc/chức việc, cơ sở thờ tự của Tin Lành vẫn có sự chênh lệch giữa các nguồn số liệu, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số.

Số tổ chức và tín đồ Tin Lành người dân tộc thiểu số tiếp tục tăng lên, không chỉ tại các thôn làng mà còn trong tầng lớp thanh thiếu niên, sinh viên, học sinh đã thoát ly khỏi cộng đồng. Tuy nhiên, do ngày càng nhiều tổ chức xuất hiện, số hệ phái được

Nhà nước công nhận cũng tăng lên, nên xảy ra tình trạng hoạt động cạnh tranh giành giật tín đồ, mở rộng địa bàn, tăng cường ảnh hưởng giữa các tổ chức... Tình hình này có thể dẫn đến sự phân hóa, mâu thuẫn giữa các tổ chức và tín đồ Tin Lành theo những hệ phái khác nhau.

Đại bộ phận tín đồ, chức sắc và tổ chức Tin Lành là chân chính, tiến bộ, yêu nước, có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, tín ngưỡng thực sự và có những ảnh hưởng tích cực đến đời sống xã hội. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển ở nước ta, một bộ phận tín đồ, một số tổ chức đã bị lợi dụng làm nảy sinh những vấn đề phức tạp, nhạy cảm. Đặc biệt là sự xuất hiện các tổ chức cực đoan, phản động hoạt động lợi dụng, núp bóng Tin Lành, như “Tin Lành Vàng chữ”, “Tin Lành Đê ga”, và hiện nay còn tiếp tục hình thành ngày càng nhiều các hiện tượng tôn giáo mới có nguồn gốc “Tin Lành”, rất dễ bị các thế lực chính trị thù địch lợi dụng, chi phối. Trong khi ở nước ngoài, các tổ chức lưu vong không chỉ xúc tiến việc thành lập “Hội thánh Tin Lành Đê ga”, “Hội thánh Tin Lành Vàng chữ”... mà còn hướng tới thành lập những Hội thánh Tin Lành riêng cho từng dân tộc thiểu số trong nước, như: Hội thánh Tin Lành Mông, Hội thánh Tin Lành Ê-đê, Hội thánh Tin Lành Gia-rai, Hội thánh Tin Lành Hmông... dễ dễ chi phối, lợi dụng, chi đạo.

Tin Lành từng bước củng cố tổ chức, đức tin tôn giáo, hình thành đội ngũ chức sắc, chức việc, tín đồ cốt cán là những trí thức người dân tộc thiểu số có uy tín hoạt động tín ngưỡng ngay tại quê hương, bằng cách thông qua việc lựa chọn những tín đồ có trình độ đưa đi học tập, đào tạo ở trong và ngoài nước; hỗ trợ vật chất và phương tiện

hoạt động để họ trở thành những nhân vật “điển hình” có sức thu hút đối với quần chúng, từ đó giữ vị trí quan trọng trong đời sống tín đồ và những vùng đạo phát triển... Trong khi tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo của ta ở địa phương còn chắp vá, chưa được đào tạo chuyên môn, thiếu nhân sự phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ... nên khả năng giải quyết các vấn đề tôn giáo, dân tộc này sinh trên địa bàn quản lý còn những hạn chế nhất định.

Công tác quản lý Tin Lành của ta còn chưa thống nhất giữa các địa phương. Một số ít nơi vẫn nặng về quản lý hành chính, dẫn đến bất đồng giữa các tổ chức và tín đồ Tin Lành với chính quyền địa phương; nảy sinh một số vụ việc nhạy cảm, khiếu kiện kéo dài, vượt cấp, có nguy cơ trở thành điểm nóng về dân tộc, tôn giáo nếu không được giải quyết kịp thời. Công tác đấu tranh với các tổ chức và hoạt động tôn giáo trái pháp luật, như “Tin Lành Đẻ gà”, “Tin Lành Vàng chủ”... còn chưa thực sự phù hợp với tập quán, lối sống của các dân tộc, gây tâm lý mặc cảm trong tín đồ và người dân.

Mặc dù đến năm 2012, Nhà nước đã công nhận 422.384 tín đồ người dân tộc thiểu số thuộc 10 tổ chức được sinh hoạt tại 482 chi hội, 9 hội nhánh, 2.310 điểm nhóm, nhưng hiện vẫn còn nhiều điểm nhóm, tín đồ dân tộc thiểu số và tổ chức Tin Lành chưa được công nhận. Các tổ chức và điểm nhóm được công nhận hoạt động tôn giáo có ổn định hơn, nhưng vẫn sinh hoạt tạm tại các nhà riêng của tín đồ, nên thường xuyên vi phạm quy định về đất đai để làm cơ sở thờ tự; coi nói, xây dựng nhà riêng một cách trá hình để làm nơi sinh hoạt tôn giáo; đào tạo, phong chức,

bổ nhiệm chức sắc, chia tách, thành lập mới tổ chức ở cơ sở khi chưa được chính quyền cho phép; in ấn và phát tán các tài liệu tôn giáo trái phép; tăng cường mở rộng quan hệ với bên ngoài để tìm kiếm sự hỗ trợ... Trong khi các tổ chức Tin Lành và số người tin theo chưa được công nhận cũng đẩy mạnh hoạt động phát triển tín đồ, mở rộng địa bàn, chuẩn bị các điều kiện cần thiết để được công nhận chính thức.

Các tổ chức phản động, cực đoan người dân tộc thiểu số ở trong và ngoài nước vẫn tiếp tục lợi dụng, núp bóng Tin Lành hoạt động chống phá đất nước ta, nhất là gây mâu thuẫn, xung đột cục bộ để hình thành các điểm nóng về dân tộc và tôn giáo. Xu hướng này có thể diễn ra tinh vi hơn, gay gắt hơn và lan tỏa sang các dân tộc, tôn giáo và những địa bàn khác, gây mất ổn định chính trị xã hội, an ninh quốc phòng và chủ quyền quốc gia. Tuy nhiên, về chiến lược và biện pháp hoạt động, các tổ chức này đã có sự điều chỉnh khá cơ bản. Trước đây, các tổ chức phản động thường tồn tại song song và chi đạo các tổ chức Tin Lành cực đoan do họ lập ra hoặc chi phối, nhưng vì chúng ta cương quyết đấu tranh nên họ hợp nhất thành một hệ thống tổ chức chung núp bóng tôn giáo để những đối tượng cầm đầu các tổ chức phản động tham gia trong những tổ chức “Tin Lành” cùng cấp. Như vậy, những đối tượng này có thể ẩn náu và hoạt động dưới vỏ bọc là các tín đồ cốt cán, nếu chúng ta đấu tranh xử lý theo pháp luật sẽ bị cáo buộc là vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Cùng với đó, họ chủ trương tổ chức cho tín đồ đấu tranh trực diện với chính quyền nhưng ôn hòa thay cho bạo động trước đây, tập trung xây dựng lực lượng chính trị và hệ thống tổ chức đối nội tôn giáo

trước rồi mới tiến đến đấu tranh vũ trang, bạo động gây rối, giành chính quyền.

Những hình thức và biện pháp chủ yếu được các thế lực thù địch sử dụng để chống phá nước ta rất đa dạng, chủ yếu là thông qua các đài phát thanh và những tài liệu phản động bằng tiếng dân tộc thiểu số từ nước ngoài truyền vào trong nước; tổ chức hoạt động gây rối, biểu tình, bạo loạn mang tính ly khai để lập các “nhà nước” và “vương quốc” riêng. Sử dụng các tổ chức phản động người dân tộc thiểu số lưu vong để tuyên truyền kích động, cung cấp tiền bạc, vũ khí, tài liệu cho đồng tộc ở trong nước hoạt động chống phá; thông qua phát triển các tổ chức núp bóng “tôn giáo” để xây dựng lực lượng chính trị, hình thành các cộng đồng và dân cư liên kết theo dân tộc - tôn giáo; tạo điều kiện cho các phần tử phản động núp bóng tín ngưỡng hoạt động hợp pháp. Kích động, tổ chức cho tín đồ các dân tộc thiểu số di cư tự do ở trong nước hay liên/xuyên biên giới, nhưng chủ yếu tập trung về vùng biên giới Việt - Lào ở Tây Bắc để tập hợp lực lượng thành lập “Vương quốc Hmông”, vào Tây Nguyên hay sang Campuchia để chính trị hóa, quốc tế hóa vấn đề dân tộc thiểu số và tôn giáo ở nước ta. Mở rộng quan hệ với các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước để nhận hỗ trợ, cung cấp thông tin xuyên tạc, vu cáo chính quyền ta vi phạm quyền tự do tín ngưỡng và kêu gọi bên ngoài can thiệp.

4. Một số kiến nghị và giải pháp

Không nên đồng nhất Tin Lành là tôn giáo của các dân tộc thiểu số. Trong quá trình quản lý và đấu tranh chống lại các hoạt động tôn giáo trái pháp luật, cần xác định rõ Tin Lành với các tổ chức cực đoan, phản động lợi dụng, núp bóng Tin Lành để hoạt

động. Từ đó có chính sách và biện pháp quản lý, đấu tranh phù hợp với từng tổ chức, từng đối tượng, tránh đẩy những tín đồ và chức sắc tiến bộ có nhu cầu tín ngưỡng thực sự vào thế đối lập, xa lánh chính quyền, tạo cơ để các thế lực thù địch lợi dụng. Công tác quản lý Tin Lành, đấu tranh với những hoạt động tôn giáo trái pháp luật của các tổ chức, đối tượng cực đoan cần phù hợp với đặc điểm lịch sử, tâm lý, tập quán dân tộc của các tín đồ. Tuy nhiên, cần thống nhất về bản chất chính trị phản động của những cái gọi là “Tin Lành Đê ga”, “Tin lành Vàng chữ” và một số hiện tượng tôn giáo mới xuất hiện gần đây, là nhằm sử dụng chiêu bài tôn giáo, dân tộc để lôi kéo quần chúng, tập hợp lực lượng thực hiện những mưu đồ chính trị của các thế lực thù địch; dùng tổ chức và sinh hoạt tôn giáo để gây chia rẽ, mâu thuẫn, kích động tư tưởng ly khai, tự trị trong nội bộ dân tộc và tôn giáo, giữa các dân tộc và tôn giáo... Do đó, cần tập trung sức mạnh của cả dân tộc để ngăn chặn những âm mưu phản động, chống phá nước ta của các thế lực thù địch và các tổ chức cực đoan lợi dụng, núp bóng Tin Lành này.

Chú trọng tăng cường đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao trình độ dân trí và đưa khoa học công nghệ phục vụ đời sống cho các dân tộc thiểu số là giải pháp cơ bản, cốt lõi trong việc bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị, giữ vững an ninh quốc phòng, góp phần cùng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, niềm tin của nhân dân vào chế độ; tăng cường sức đề kháng từ cơ sở, không để tồn tại, phát sinh những yếu tố xã hội phức tạp cho các thế lực thù địch lợi dụng. Tuy nhiên, chính sách tôn giáo, dân tộc và phát triển kinh tế - xã hội của chúng ta cần hạn chế tính chủ quan, phiến diện, nặng về ứng phó với vụ việc, mệnh lệnh hành chính,

chồng chéo, áp đặt từ trên xuống và từ ngoài vào, bị chi phối bởi lợi ích nhóm, tính cục bộ địa phương... Cần xây dựng các chiến lược và chính sách phát triển theo vùng, trong đó có các dân tộc và người theo đạo được hưởng lợi. Làm như vậy, sẽ không gây ra sự phân hóa xã hội, tâm lý bất mãn, tư tưởng mặc cảm, so bì giữa các dân tộc, giữa các tôn giáo và các bộ phận dân cư. Kết quả của chính sách là nhằm xây dựng được những khu dân cư không phân biệt dân tộc, theo hay không theo tôn giáo thành những cộng đồng vững mạnh về kinh tế, ổn định về chính trị xã hội, là lực lượng chính trị tại chỗ của cách mạng.

Tiếp tục thực hiện chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho các tôn giáo phát triển bình đẳng. Khuyến khích phát triển những mối quan hệ kinh tế, xã hội, văn hóa, hôn nhân và gia đình giữa các tôn giáo, giữa những người theo và không theo tôn giáo, giữa các dân tộc. Xử lý theo luật pháp những hành vi lợi dụng tôn giáo để chống phá đất nước, cấm đoán hôn nhân và hạn chế các mối quan hệ kinh tế - xã hội giữa những người không cùng tín ngưỡng.

Thực hiện tốt hơn nữa chính sách phát triển ý thức quốc gia dân tộc, củng cố lòng tin đối với chế độ ta cho các tín đồ và chức sắc Tin Lành. người dân tộc thiểu số. Tôn trọng, tranh thủ, sử dụng đội ngũ trí thức, những người có uy tín của dân tộc và tôn giáo. Chú ý phát triển và quản lý tốt những mối quan hệ tín ngưỡng giữa các dân tộc ở trong nước và liên/xuyên biên giới. Thông qua việc tăng cường tiếp xúc, đối thoại để khắc phục những bất đồng, mâu thuẫn, tranh thủ những nhân tố tích cực, thu hút và tạo điều kiện cho các tín đồ và chức sắc Tin Lành người dân tộc thiểu số tin tưởng vào

chế độ, góp phần xây dựng quê hương. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp với các tổ chức Tin Lành chính thức và hàng ngũ chức sắc, tín đồ tiến bộ để họ lãnh đạo, tập hợp lực lượng ủng hộ, phối hợp với chính quyền thực hiện chính sách dân tộc, tôn giáo, chống lại các tổ chức phản động cực đoan lợi dụng, núp bóng Tin Lành.

Củng cố và nâng cao chất lượng hệ thống tổ chức, năng lực và hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, tôn giáo trên cả nước, nhất là đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng chính người dân tộc, người có đạo một cách hiệu quả trong công tác tôn giáo, đấu tranh ngăn chặn những âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch tại địa phương. Tăng cường công tác bảo vệ cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân trước những ảnh hưởng phức tạp của các tổ chức cực đoan, phản động lợi dụng, núp bóng Tin Lành.

Phối hợp chặt chẽ, hiệu quả trong công tác đối nội và đối ngoại để góp phần giải quyết những bất cập về Tin Lành và các vấn đề dân tộc nhạy cảm, phức tạp nảy sinh. Do tính đa tộc người và quốc tế của Tin Lành, nên trước hết cần xác định cách ứng xử phù hợp, xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả với các nước láng giềng, những quốc gia có nhiều đồng tộc và đồng tín đồ Tin Lành, để chia sẻ thông tin, tập trung phát hiện, giải quyết kịp thời các vấn đề bức xúc ở vùng dân tộc, vùng có đạo, nhất là quan hệ tôn giáo - dân tộc liên/xuyên biên giới của Tin Lành; những hoạt động tôn giáo trái pháp luật từ nước ngoài nhằm gây mâu thuẫn xã hội ở trong nước; làm tan rã các tổ chức phản động cực đoan, nhóm phi núp bóng Tin Lành; ngăn chặn ý đồ lợi dụng tôn giáo, dân tộc để tập hợp lực lượng thành những cộng

đồng tôn giáo ở vùng biên giới nhằm thúc đẩy tự trị, ly khai của các thế lực thù địch ở vùng dân tộc, vùng biên giới, vùng có đạo.

Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thông tin tuyên truyền ở vùng dân tộc, vùng có đạo để các chính sách, pháp luật về dân tộc, tôn giáo và những kết quả đạt được đến với người dân, tín đồ và cộng đồng quốc tế. Giữ gìn và phát huy những bản sắc văn hóa tộc người, nhất là các đặc trưng tín ngưỡng, lễ hội truyền thống tốt đẹp, còn phù hợp của dân tộc để hạn chế sự phát triển của những tổ chức tôn giáo cực đoan.

Cần tiến hành điều tra, nghiên cứu, đánh giá đầy đủ, khách quan về tình hình và ảnh hưởng của Tin Lành nói chung, các tổ chức phản động, cực đoan lợi dụng, núp bóng Tin Lành nói riêng để làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng chính sách và giải pháp quản lý phù hợp, phát huy được những mặt tích cực của Tin Lành và hạn chế các tác động tiêu cực của việc lợi dụng Tin Lành. Tăng cường công tác quản lý nhà nước hiệu quả hơn đối với các tổ chức, điểm nhóm và tín đồ đã được công nhận. Xem xét công nhận hoặc không công nhận số tổ chức và người tin theo còn lại đúng quy định pháp luật, phù hợp với thông lệ quốc tế, đảm bảo nhu cầu tín ngưỡng chính đáng của nhân dân.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Tôn giáo Chính phủ (2012), *Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị số 01/2005/CT-TTg, ngày 04/2/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Một số công tác đối với đạo Tin lành*, Hà Nội.

2. Ban Chỉ đạo Tây Nguyên (2013), *Tình hình và công tác dân tộc - tôn giáo ở*

Tây Nguyên (Tài liệu làm việc với đoàn Viện Dân tộc học), Buôn Ma Thuột ngày 17 tháng 4 năm 2013.

3. Lê Văn Hào (2007), *Một số đặc điểm tâm lý - xã hội của xu hướng lan rộng đạo Tin Lành ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Hà Nội.

4. Nguyễn Xuân Hùng (2012), *Một số vấn đề cơ bản về đạo Tin Lành giai đoạn 2011 - 2020*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ 2009 - 2010, Hà Nội.

5. Hà Thị Mai (2012), “Biến đổi văn hóa truyền thống người Ê-đê dưới tác động của đạo Tin Lành tại Buôn Kao, xã Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk”, *Luận văn thạc sĩ ngành Dân tộc học*, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.

6. Nguyễn Văn Minh (2006), “Một số vấn đề về đạo Tin Lành của người dân tộc thiểu số tại chỗ Tây Nguyên hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 4, tr. 52 - 62, Hà Nội.

7. Nguyễn Văn Minh (2010), “Một số vấn đề về đạo Tin Lành trong cộng đồng người Hmông di cư tự do vào Tây Nguyên hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 38 - 47, Hà Nội.

8. Nguyễn Văn Minh và Hồ Ly Giang (2011), “Một số vấn đề thực tiễn về đạo Tin Lành ở các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc hiện nay”, *Tạp chí Dân tộc học*, Số 5, tr. 3 - 14, Hà Nội.

9. Viện Nghiên cứu tôn giáo (2005), *Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo ở Việt Nam hiện nay*, Báo cáo tổng hợp đề tài độc lập cấp Nhà nước, Hà Nội.